TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2023/KDTM-PT
Ngày: 16/3/2023
V/v tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

2. Ông Đỗ Quốc Đạt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Nguyễn Thị Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2022/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ".

Do bản án sơ thẩm số 108/2022/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 249/2023/QĐ- PT ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1769/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH G

Địa chỉ: Tầng 19 Khu văn phòng, tòa nhà I, số 4 C, phường Đ, Quận A, TP Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Thanh S

Địa chỉ: 21 Q, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/6/2020)

2. Bị đơn: Công ty TNHH X

Địa chỉ: Tòa nhà E, 364 C, Phường H, quận T, TP. HCM.

Đại diện theo ủy quyền : Ông Trần Văn C và bà Võ Ngọc Minh T

Địa chỉ: Phòng 1901, Tầng 19 Tòa nhà C, 37 T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo Giấy ủy quyền ngày 02/10/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Sơn T – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Quốc Tế T và các Cộng sự.

(Các đương sự và Luật sư có mặt tại phiên tòa)

3. Người kháng cáo: Bị đơn- Công ty TNHH X

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn có ông Đàm Thanh S đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 12/09/2019, Công ty TNHH G đã ký với Công ty TNHH X hợp đồng kiểm thử phần mềm máy vi tính số 003/HĐKT-2019/OTS-XOAI với công việc Công ty TNHH G gia công, kiểm thử phần mềm máy vi tính của các dự án cho Công ty TNHH X, thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 31/12/2019 với số ngày thực hiện hợp đồng là 79 ngày làm việc (không tính thứ bảy và chủ nhật). Giá trị hợp đồng là 2.170.000.000 đ, tương đương một ngày làm việc thực hiện hợp đồng là 27.468.000 đ được thanh toán thành 4 đợt như sau:

- Tháng 9/2019 thanh toán 650.000.000 đ
- Tháng 10/2019 thanh toán 650.000.000 đ
- Tháng 11/2019 thanh toán 435.000.000 đ
- Tháng 12/2019 thanh toán 435.000.000 đ

Thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH G thực hiện các công việc như thỏa thuận giữa hai bên, Công ty TNHH X đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền của đợt 1 là 650.000.000 đ và nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/9/2019.

Ngày 01/11/2019, Công ty TNHH X gởi công văn thông báo chấm dứt hợp đồng kiểm thử phần mềm máy vi tính số 0111/2019/TB. Thời gian chấm dứt hợp đồng kể từ ngày 01/11/2019 mà không đưa ra bất kì lý do gì cho việc chấm dứt hợp đồng đã ký nêu trên.

Ngay khi hợp đồng bị vi phạm, Công ty TNHH G đã nhiều lần liên hệ với Công ty TNHH X để nhằm thương lượng giải quyết nhưng không kết quả

Công ty TNHH G đã tiến hành các thủ tục để tổ chức hòa giải theo thỏa thuận tại khoản 9.3 Điều 9 hợp đồng đã ký giữa hai bên tại Trung tâm trọng tài

thương mại thành phố Hồ Chí Minh (Tracent) nhưng phía Công ty TNHH X có ý kiến là sẽ không hòa giải thương lượng đối với tranh chấp, không lựa chon bất kỳ cơ quan trọng tài hay trung tâm thương mại nào để tiến hành hòa giải, nên Công ty TNHH G đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, nội dung yêu cầu Công ty TNHH X phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền sau:

- Tiền công từ ngày 12/9/2019 đến ngày 31/10/2019 là 27.468.000 đ x 36 ngày = 988.848.000 đ trừ 650.000.000 đ đã thanh toán đợt một, số tiền còn lại yêu cầu thanh toán là 338.848.000 đ

- Tiền công của 30 ngày làm việc do vi phạm thời gian báo trước là 824.040.000 đ

- Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng bằng 50% giá trị hợp đồng là 1.085.000.000 đ

Tổng cộng là 2.247.888.000 đ.

Ngày 11/01/2021, phía nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH X phải thanh toán tiền đợt 2 là 650.000.000 đ và bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng không đúng thỏa thuận số tiền bồi thường thiệt hại bằng số tiền thanh toán theo đợt 3 và đợt 4 hợp đồng là 870.000.000 đ, tổng cộng là 1.520.000.000 đ, các yêu cầu khác tại đơn khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu.

Ngày 13/4/2021, nguyên đơn có đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, nay nguyên đơn yêu cầu Công ty X phải thanh toán cho nguyên đơn phí dịch vụ đợt 2 tháng 10/2019 mà công ty X chưa thanh toán là 650.000.000 đ, phí dịch vụ đợt 3 là 435.000.000 đ do vi phạm thời gian báo trước theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng kiểm thử phần mềm máy vi tính số 003/HĐKT-2019/OTS-XOAI ngày 12/9/2019. Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Bị đơn có bà Nguyễn Hiền T đại diện hợp pháp trình bày: Công ty X không đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đưa ra: Đối với yêu cầu thanh toán phí dịch vụ đợt 2 tháng 10/2019 mà Công ty X chưa thanh toán là 650.000.000 đồng thì nguyên đơn không có các tài liệu, chứng cứ chứng minh rằng nguyên đơn đã thực tế cung cấp dịch vụ đối với đợt 2 tháng 10/2019 cho Công ty X và dịch vụ tương xứng với khoản tiền Công ty X đã thanh toán đợt 1 là 650.000.000 đ. Căn cứ vào Điều 410 Bộ luật dân sự năm 2015 về thực hiện hợp đồng song vụ và theo quy định tại Hợp đồng số 003 vì các bên không thỏa thuận về việc bên nào thực hiện nghĩa vụ trước và vì nghĩa vụ cung ứng dịch vụ kiểm thử phần mềm máy tính của Công ty Đ phải được thực hiện trong thời gian dài nên nghĩa vụ của Công ty Đ phải được thực hiện trước nghĩa vụ thanh toán của Công ty X .

Theo Điều 411.2 Bộ luật dân sự năm 2015 về quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ Công ty X có quyền hoãn thực hiện thanh toán dịch vụ do nguyên đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ theo Điều 1 và Điều 5 của hợp đồng số 003.

Đối với yêu cầu thanh toán phí dịch vụ đợt 3 là 435.000.000 đồng do vi phạm thời gian báo trước theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng kiểm thử phần mềm máy tính số 003/HĐKT-2019/OTS-XOAI ngày 12/9/2019 thì bị đơn không đồng ý vì ngày 14/01/2019, Công ty X đã gửi văn bản số 1411 về nội dung các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng số 003 mục đích để bày tỏ mong muốn tiếp tục hợp tác với công ty Đ nếu công ty Đ nhanh chóng khắc phục và hoàn thiện các nghĩa vụ cung ứng dịch vụ đối với công ty X. Như vậy, không có hành vi đơn phương hay thỏa thuận nào giữa các bên về việc chấm dứt hợp đồng số 003 trước thời hạn xảy ra trên thực tế. Đồng thời, chúng tôi không có bất kỳ điều khoản nào giữa các bên quy định về trường hợp nếu vi phạm thời hạn báo trước việc chấm dứt hợp đồng số 003, Công ty X phải thanh toán khoản phí dịch vụ đợt 3 cho Công ty Đ. Theo đó, yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là không có căn cứ.

Đối với chứng cứ nguyên đơn đã nộp là USB, phía bị đơn đã cố gắng liên hệ lại với các nhân viên phụ trách hợp đồng số 003 trước đây để xác minh các tài liệu bổ sung mà phía nguyên đơn đã cung cấp trong USB, tuy nhiên công ty X đã ngừng hoạt động và các nhân viên phụ trách cũng đã nghỉ việc không thể liên hệ được, đồng thời công ty X cũng đã kiểm tra các tài liệu lưu trữ trong hồ sơ và máy tính cũng không tìm thấy bất kỳ sản phẩm hay kết quả công việc nào có liên quan do công ty Đ thực hiện. Nay bị đơn đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 108/2022/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty TNHH G.

Công ty TNHH X có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH G số tiền 650.000.000 đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Thời hạn trả: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bác một phần yêu cầu của Công ty TNHH G đối với yêu cầu thanh toán phí dịch vụ đợt 3 là 435.000.000 đ (Bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm.

Bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chấp thuận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền 650.000.000 đồng không đúng tình tiết khách quan của vụ việc làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của Công ty X. Công ty X yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết lại một phần của nội dung vụ kiện theo theo yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung:

Căn cứ Điều 2 và khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng 003: Đối với thanh toán đợt 1 (tháng 9/2019) Công ty TNHH X đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 650.000.000 đ và nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/9/2019.

Đối với thanh toán đợt 2 (tháng 10/2019) công ty Đ yêu cầu Công ty TNHH X đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 650.000.000 đ, nhận thấy:

Công ty TNHH X gởi công văn thông báo chấm dứt hợp đồng kiểm thử phần mềm máy vi tính số 0111/2019/TB. Thời gian chấm dứt hợp đồng kể từ ngày 01/11/2019 mà không đưa ra bất kỳ lý do gì cho việc chấm dứt hợp đồng.

Ngày 14/01/2019, Công ty X đã gửi văn bản số 1411 về nội dung các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng số 003 tiếp tục hoàn thiện, sửa chữa và trả kết quả kiểm thử các phần mềm theo hợp đồng.

Điều này chứng tỏ Công ty X đã xác nhận công ty Đ có thực hiện công việc theo hợp đồng số 003. Do đó, công ty Đ yêu cầu Công ty TNHH X đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 650.000.000đ là phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 85 Luật thương mại 2005.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án kinh

doanh thương mại sơ thẩm số 108/2022/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng cung ứng dịch vụ, bị đơn Công ty X có trụ sở tại quận T. Căn cứ khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 108/2022/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần 2 Quyết định bản án: Bác một phần yêu cầu của Công ty TNHH G đối với yêu cầu thanh toán phí dịch vụ đợt 3 là 435.000.000 đ (Bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng). Do phần này không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật và Tòa cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Về nội dung:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm.

Bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn với lý do Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chưa phù hợp tình hình thực tế vụ tranh chấp và chưa phù hợp quy định pháp luật lý do Tòa án cấp sơ thẩm chấp thuận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền 650.000.000 đồng không đúng tình tiết khách quan của vụ việc làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của Công ty X.

Với lý do kháng cáo này, Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty TNHH G và Công ty TNHH X ký Hợp đồng kiểm thử phần mềm máy tính số 003/HĐKT-2019/OTS-XOAI ngày 12/9/2019. Điều 1: Nội dung hợp đồng giữa hai bên có thỏa thuận Công ty TNHH G gia công, kiểm thử phần mềm máy vi tính của các dự án cho Công ty TNHH X, thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 31/12/2019.

Điều 2: Giá trị hợp đồng và thanh toán là 2.170.000.000 đ. Được thanh toán thành 4 đợt như sau:

- Tháng 9/2019 thanh toán 650.000.000 đ
- Tháng 10/2019 thanh toán 650.000.000 đ
- Tháng 11/2019 thanh toán 435.000.000 đ
- Tháng 12/2019 thanh toán 435.000.000 đ

Điều 3: Thời hạn hợp đồng.

Ngoài ra Hợp đồng còn còn quy định trách nhiệm và quyền hạn của các bên; Tạm ngừng dịch vụ và đơn phương chấm dứt hợp đồng; Bất khả kháng; Minh bạch và tín nhiệm và Điều khoản cam kết chung.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH X đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền của đợt 1 là 650.000.000 đ và nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/9/2019.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, đại diện ủy quyền nguyên đơn nhận Quyết định số 19/QĐ-CCTLCC ngày 24 tháng 02 năm 2022 do Tòa án nhân dân quận Tân Bình ban hành về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn có cung cấp 01 USB nội dung sao chép các công việc mà nguyên đơn đã thực hiện cung ứng dịch vụ cho bị đơn theo hợp đồng 003. Về nội dung của USB do nguyên đơn cung cấp, bị đơn không đồng ý và đã kiểm tra các dữ liệu trong hồ sơ và máy tính không tìm thấy bất kỳ sản phẩm hay kết quả công việc do nguyên đơn thực hiện. Hai bên xác nhận không có bất kỳ biên bản hoặc hình thức nào xác nhận khối lượng công việc mà nguyên đơn đã thực hiện và cung cấp dịch vụ cho bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận yêu cầu bị đơn Công ty TNHH X có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH G số tiền 650.000.000 đ là phí dịch vụ Hợp đồng kiểm thử phần mềm máy tính số 003/HĐKT-2019/OTS-XOAI ngày 12/9/2019.

Ngày 31/10/2019, Công ty TNHH X có công văn số 0111/2019/TB về việc thông báo chấm dứt Hợp đồng kiểm thử phần mềm máy tính với Công ty TNHH G kể từ ngày 01/11/2019.

Ngày 14/11/2019, Công ty X có công văn số 1411/2019/TB gởi Công ty TNHH G với nội dung: "*chúng tôi đề nghị quý công ty tiếp tục hoàn thiện, sữa chữa và trả kết quả kiểm thử các phần mềm theo quy định tại Hợp đồng kiểm thử phần mềm máy tính số 003/HĐKT-2019/OTS-XOAI* ".

Căn cứ Điều 78; Điều 79 và Điều 82 Luật thương mại năm 2005 nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện công việc một cách đầy đủ, phù hợp với thỏa thuận, thời hạn hoàn thành dịch vụ *"trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn hoàn thành dịch vụ thì bên cung ứng dịch vụ phải hoàn thành trong thời gian hợp lý trên cơ sở tính đến tất cả các điều kiện và hoàn cảnh mà bên*

cung ứng dịch vụ biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng, bao gồm bất kỳ nhu cầu cụ thể nào của khách hàng có liên quan đến thời gian hoàn thành dịch vụ".

Như vậy, căn cứ nội dung mục 4.5 Điều 4 hợp đồng 003 "*Bên B có quyền khiếu nại về chất lượng thông tin, chất lượng dịch vụ do bên A cung cấp. Mọi khiếu nại phải được gửi cho bên A dưới dạng văn bản trong 5 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh vấn đề và bên A trả lời khiếu nại cho bên B trong vòng 5 ngày kể từ ngày bên A nhận được công văn của bên B"* và nội dung công văn số 1411/2019/TB Công ty X đã xác nhận công ty Đ có thực hiện công việc theo Điều 1 hợp đồng số 003 trước ngày ban hành công văn là ngày 14/11/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 85 Luật thương mại 2005 Nghĩa vụ của khách hàng*"thanh toán tiền cung ứng dịch vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng"*. Công ty X phải có nghĩa vụ thanh toán đợt 2 số tiền 650.000.000 đồng cho công ty Đ. Do đó với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ khởi kiện và đại diện ủy quyền nguyên đơn xác nhận ngày 01 tháng 6 năm 2020 Công ty TNHH G đã khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH X phải thanh toán cho nguyên đơn như nội dung đơn khởi kiện (bút lục 36 đến 38)

Ngày 11 tháng 01 năm 2021 nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH X phải thanh toán tiền đợt 2 là 650.000.000 đ và bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng không đúng thỏa thuận số tiền bồi thường thiệt hại bằng số tiền thanh toán theo đợt 3 và đợt 4 hợp đồng là 870.000.000 đ, tổng cộng là 1.520.000.000 đ, các yêu cầu khác tại đơn khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu (bút lục 49).

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, nguyên đơn có đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, nay nguyên đơn yêu cầu Công ty X phải thanh toán cho nguyên đơn phí dịch vụ đợt 2 tháng 10/2019 mà công ty X chưa thanh toán là 650.000.000 đ, phí dịch vụ đợt 3 là 435.000.000 đ do vi phạm thời gian báo trước theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng kiểm thử phần mềm máy vi tính số 003/HĐKT-2019/OTS-XOAI ngày 12/9/2019 (bút lục 50).

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng bằng 50% giá trị hợp đồng là 1.085.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 71 và Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn. Nhưng cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G đối với bị đơn Công ty X, cấp phúc thẩm cần bổ sung cho đúng.

Đối với phần Quyết định tuyên: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)

cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019, đây là vụ án Kinh doanh thương mại nên điều chỉnh theo Điều 306 Luật Kinh doanh thương mại năm 2005.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH X.

[3] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Công ty TNHH X phải nộp án phí sơ thẩm 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Công ty TNHH G phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 21.400.000 đ, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH G đã nộp là 38.478.880 đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016467 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH G số tiền 17.078.880 đồng (mười bảy triệukhông trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm tám mươi đồng).

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty TNHH X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho Công ty TNHH X đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032071 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH X; Sửa bản án kinh doanh thương mại số 108/2022/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH X có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH G số tiền 650.000.000 đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Thời hạn trả: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH X còn phải tiếp tục trả lãi cho Công ty TNHH G theo mức lãi suất nợ quá hạn tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại cho đến khi thi hành xong khoản tiền đã nêu trên. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Bác một phần yêu cầu của Công ty TNHH G đối với yêu cầu thanh toán phí dịch vụ đợt 3 là 435.000.000 đ (Bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Nguyên đơn Công ty TNHH G rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi Công ty TNHH X bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng bằng 50% giá trị hợp đồng là 1.085.000.000 đ.

4. Về án phí kinh doanh thương mại:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH X phải nộp án phí sơ thẩm 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Công ty TNHH G phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 21.400.000 đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH G đã nộp là 38.478.880 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016467 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH G số tiền 17.078.880 đồng (mười bảy triệu không trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm tám mươi đồng).

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho Công ty TNHH X đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032071 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thảo

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận Tân Bình;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận Tân Bình;
- Lưu.

2022KTPT30318 1 000112 366215 03.02.2023 11:11
Công ty TNHH Giải pháp Kiểm